TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2024/QĐST- KDTM	*Khoái Châu, ngày 30 tháng 9 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 01/2024/TLST - KDTM, ngày 02/01/2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1)**.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thu H – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số G, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Minh T – Giám đốc Khối quản lý và Xử lý nợ có vấn đề.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Bá L và ông Lê Duy Ư – Chuyên viên Khối quản lý và Xử lý nợ có vấn đề.

Địa chỉ: Tầng B Tòa nhà V, số A phố L, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

- *Đồng bị đơn*: Anh **Hoàng Quang T1**, sinh năm 1987.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T1: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994.

Chị **Nguyễn Thị Hồng N1**, sinh năm 1994.

Đều có địa chỉ: Đ, thôn B, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ và trách nhiệm trả nợ:

Ngân hàng S1 và đồng bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng N1, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn anh Hoàng Quang T1 đều thống nhất thừa nhận: Tính đến ngày 20/9/2024 chị N1 và anh T1 còn nợ Ngân hàng SHB toàn bộ số tiền gốc, lãi phát sinh theo theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 73/2017/HĐTDTDH – CN/SHB.110504 ngày 06/9/2017 và khế ước nhận nợ số 01-73/2017/HĐTDTDH–CN/SHB.110504 ngày 08/9/2017 là: **1.976.884.886**đ (*Một tỷ*

chín trăm bẩy mươi sáu triệu tám trăm tám mươi tư nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng). Trong đó, nợ gốc: 973.000.000đ (*Chín trăm bẩy mươi ba triệu đồng*), Nợ lãi trong hạn: 757.005.806đ (*Bẩy trăm năm mươi bẩy triệu không trăm linh năm nghìn tám trăm linh sáu đồng*), Nợ lãi quá hạn: 98.571.258đ (*Chín mươi tám triệu năm trăm bẩy mươi mốt nghìn hai trăm năm mươi tám đồng*), Nợ phạt chậm trả lãi: 148.307.822đ (*Một trăm bốn mươi tám triệu ba trăm linh bẩy nghìn tám trăm hai mươi hai đồng*).

2.2. Thời hạn trả nợ:

Đến ngày 20/10/2024 anh T1, chị N1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 73/2017/HĐTDTDH – CN/SHB.110504 ngày 06/9/2017 và khế ước nhận nợ số 01-73/2017/ HĐTDTDH – CN/SHB.110504 ngày 08/9/2017.

Đến ngày 21/11/2024 anh T1, chị N1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 73/2017/HĐTDTDH – CN/SHB.110504 ngày 06/9/2017 và khế ước nhận nợ số 01-73/2017/ HĐTDTDH – CN/SHB.110504 ngày 08/9/2017.

Đến ngày 23/12/2024 anh T1, chị N1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 73/2017/HĐTDTDH – CN/SHB.110504 ngày 06/9/2017 và khế ước nhận nợ số 01-73/2017/ HĐTDTDH – CN/SHB.110504 ngày 08/9/2017.

Đến ngày 23/01/2025 anh T1, chị N1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 73/2017/HĐTDTDH – CN/SHB.110504 ngày 06/9/2017 và khế ước nhận nợ số 01-73/2017/ HĐTDTDH – CN/SHB.110504 ngày 08/9/2017.

Đến ngày 23/02/2025 anh T1, chị N1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 73/2017/HĐTDTDH – CN/SHB.110504 ngày 06/9/2017 và khế ước nhận nợ số 01-73/2017/ HĐTDTDH – CN/SHB.110504 ngày 08/9/2017.

Đến ngày 23/03/2025 anh T1, chị N1 phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc còn lại là 723.000.000đ (*Bẩy trăm hai mươi ba triệu đồng*) và toàn bộ số tiền lãi tạm tính đến ngày 20/9/2024 là 1.003.884.886đ (*Một tỷ không trăm linh ba triệu tám trăm tám mươi tư nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng*); Trong đó, N2 lãi trong hạn: 757.005.806đ, Nợ lãi quá hạn: 98.571.258đ, Nợ phạt chậm trả lãi: 148.307.822đ (Theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 73/2017/HĐTDTDH – CN/SHB.110504 ngày 06/9/2017 và khế ước nhận nợ số 01-73/2017/ HĐTDTDH – CN/SHB.110504 ngày 08/9/2017).

Kể từ ngày 21/9/2024 anh T1, chị N1 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, thuế, phí phát sinh mà hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 73/2017/HĐTDTDH – CN/SHB.110504 ngày 06/9/2017 và khế ước nhận nợ số 01-73/2017/ HĐTDTDH – CN/SHB.110504 ngày 08/9/2017 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Trong lộ trình trả nợ, nếu vi phạm bất kì một kỳ hạn trả nợ nào theo như thỏa thuận trên thì Ngân hàng S1 có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Khoái Châu kê biên, phát mại số tài sản đã thế chấp theo Theo Hợp đồng thế chấp

số 73/2017/HĐTC – CN/SHB 110504 số công chứng 2692 quyển số 01/2017/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 06/09/2017 tại Văn phòng C1, tỉnh Hưng Yên là Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 187, tờ bản đồ số 31, diện tích 199,1 m2 tại thôn N, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên, theo GCNQSDĐ số BK090502, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH06481 do UBND huyện K, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 07/9/2012 cho ông Nguyễn Văn H1 và bà Đỗ Thị C, ngày 25/7/2017 đã tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho anh T1, chị N1 để thu hồi khoản nợ vay (Có sơ đồ kèm theo).

3. Về án phí: Anh Hoàng Quang T1 và chị Nguyễn Thị Hồng N1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 35.653.273đ (*Ba mươi năm triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn hai trăm bẩy ba đồng*).

Hoàn trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 22.500.000đ theo biên lai thu số 0001107, ngày 02/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Việt Cường